BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2013-2014

Môn học : Anh văn chuyên ngành - 1104024

Mã lớp học phần: 110402403 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Hồng Linh Quyên

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1210130341	Phạm Minh	Luân	06/12/1994		3.0	ba không	C14KT3	
2	1110130087	Đặng Thị Xuân	Mai	10/05/1991		10.0	mười không	C14KT3	
3	1210130228	Cao Thị Hà	My	20/11/1993		2.0	hai không	C14KT3	
4	1210130229	Hồ Ngọc Yến	Nhi	21/11/1994		2.0	hai không	C14KT3	
5	1210130230	Trần Minh	Tân	19/09/1994		6.0	sáu không	C14KT3	
6	1210130231	Lê Thị Mai	Thảo	08/08/1994		6.5	sáu năm	C14KT3	
7	1210130232	Nguyễn Thị Thu	Thảo	01/07/1994		0.5	không năm	C14KT3	
8	1210130233	Nguyễn Thị Thu	Thảo	30/09/1994		4.5	bốn năm	C14KT3	
9	1210130236	Quách Thị Ngọc	Thảo	29/08/1994		7.0	bảy không	C14KT3	
10	1210130237	Dương Thị Hồng	Thi	01/04/1994		3.0	ba không	C14KT3	
11	1210130238	Nguyễn Thị Mai	Thi	02/12/1994		10.0	mười không	C14KT3	
12	1210130239	Nguyễn Thị Vân	Thi	10/09/1994		6.0	sáu không	C14KT3	
13	1210130240	Hồ Thị	Thiện	03/03/1994		1.0	một không	C14KT3	
14	1210130251	Vương Đức	Thịnh	02/11/1994		2.5	hai năm	C14KT3	
15	1210130241	Lê Thị Minh	Thơ	15/02/1994		2.0	hai không	C14KT3	
16	1210130254	Nghiêm Thị Hoài	Thu	05/03/1994		1.0	một không	C14KT3	
17	1210130255	Trần Thị Cẩm	Thu	16/03/1993		10.0	mười không	C14KT3	
18	1210130256	Võ Ngọc Minh	Thu	12/11/1994		8.0	tám không	C14KT3	
19	1210130257	Lê Thị	Thùy	16/08/1994		2.0	hai không	C14KT3	
20	1210130258	Nguyễn Thị	Thùy	30/06/1994		2.5	hai năm	C14KT3	
21	1210130259	Nguyễn Thị Kim	Thùy	01/07/1994		10.0	mười không	C14KT3	
22	1210130261	Nguyễn Thị	Thủy	19/02/1994		2.5	hai năm	C14KT3	
23	1210130262	Phan Thị Thanh	Thủy	02/04/1994		2.0	hai không	C14KT3	
24	1210130263	Trần Thị Lệ	Thủy	04/06/1994		10.0	mười không	C14KT3	
25	1210130260	Trương Thiên	Thúy	16/06/1994		1.0	một không	C14KT3	
26	1210130245	Đào Thị	Thư	30/01/1994		4.0	bốn không	C14KT3	
27	1210130242	Huỳnh Anh	Thư	07/11/1993		2.0	hai không	C14KT3	
28	1210130243	Lê Vũ Minh	Thư	19/10/1994		9.5	chín năm	C14KT3	
29	1210130244	Lưu Kim	Thư	19/11/1994		2.5	hai năm	C14KT3	
30	1210130246	Nguyễn Thị Trúc	Thư	28/04/1994		10.0	mười không	C14KT3	
31	1210130247	Phạm Thị Anh	Thư	02/10/1994		0.5	không năm	C14KT3	
32	1210130248	Phạm Thị Minh	Thư	20/11/1993		1.0	một không	C14KT3	
33	1210130252	Nguyễn Thy Minh	Thương	11/09/1994		0.5	không năm	C14KT3	
34	1210130265	Trần Thị Cẩm	Tiên	22/01/1994		3.0	ba không	C14KT3	

	SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
	0130267	Văn Thủy	Tiên	03/09/1994		2.0	hai không	C14KT3	
	1210130282	Cao Thị Thùy	Trang	17/08/1993		3.0	ba không	C14KT3	
	1210130283	Dương Thùy	Trang	13/04/1994		1.0	một không	C14KT3	
38	1210130284	Mã Minh	Trang	24/11/1994		10.0	mười không	C14KT3	
39	1210130285	Nguyễn Thị Minh	Trang	26/03/1994		10.0	mười không	C14KT3	
40	1210130286	Nguyễn Thị Ngọc	Trang	06/11/1994		4.0	bốn không	C14KT3	
41	1210130288	Phạm Thị Thu	Trang	14/06/1994		6.5	sáu năm	C14KT3	
42	1210130289	Phạm Thị Thùy	Trang	02/02/1993		2.0	hai không	C14KT3	
43	1210130293	Võ Thị Thu	Trang	08/10/1994		3.5	ba năm	C14KT3	
44	1210130271	Lê Thị	Trâm	25/05/1994		10.0	mười không	C14KT3	
45	1210130272	Nguyễn Ngọc Bích	Trâm	01/07/1994		2.0	hai không	C14KT3	
46	1210130273	Nguyễn Thị Bích	Trâm	08/04/1994		6.5	sáu năm	C14KT3	
47	1210130276	Phan Thị Ngọc	Trâm	08/10/1993		6.0	sáu không	C14KT3	
48	1210130275	Phạm Thị Tuyết	Trâm	08/12/1994		8.0	tám không	C14KT3	
49	1210130277	Trần Thị Ngọc	Trâm	20/04/1994		2.5	hai năm	C14KT3	
50	1210130278	Trần Thị Thùy	Trâm	30/07/1994		1.5	một năm	C14KT3	
51	1210130279	Bùi Nguyễn Mỹ	Trân	07/01/1994		2.0	hai không	C14KT3	
52	1210130280	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	30/05/1993		3.5	ba năm	C14KT3	
53	1210130281	Nguyễn Thị Huyền	Trân	28/05/1994		2.0	hai không	C14KT3	
54	1210130294	Cao Thị Mỹ	Trinh	25/07/1994		4.5	bốn năm	C14KT3	
55	1210130295	Nguyễn Thị Tuyết	Trinh	18/04/1994		1.5	một năm	C14KT3	
56	1210130296	Trần Ngọc	Trinh	06/04/1994				C14KT3	
57	1210130297	Võ Thị Yến	Trinh	03/08/1994		3.0	ba không	C14KT3	
58	1210130299	Huỳnh Thị	Tròn	09/09/1993		2.5	hai năm	C14KT3	
59	1210130300	Nguyễn Ngọc Thanh	Trúc	24/04/1994		1.0	một không	C14KT3	
60	1210130301	Nguyễn Thị Thủy	Trúc	28/7/1994		10.0	mười không	C14KT3	
61	1210130302	Nguyễn Trần Thanh	Trúc	18/12/1994		2.5	hai năm	C14KT3	
62	1210130303	Phan Thanh	Trúc	21/10/1994		8.0	tám không	C14KT3	
63	1210130304	Sử Thanh	Trúc	05/10/1994		5.0	năm không	C14KT3	
64	1210130305	Cao Minh	Tuấn	23/12/1993		0.0	không không	C14KT3	
65	1210130306	Trần Châu	Tuấn	16/09/1994		10.0	mười không	C14KT3	
66	1210130313	Đinh Thị Thanh	Tuyền	31/05/1994		4.5	bốn năm	C14KT3	
67	1210130310	Hồ Thị Thanh	Tuyền	19/07/1993		2.0	hai không	C14KT3	
68	1210130311	Lê Thị Ngọc	Tuyền	03/11/1994		6.5	sáu năm	C14KT3	
69	1210130312	Nguyễn Thị Bích	Tuyền	28/03/1994		1.0	một không	C14KT3	
70	1210130314	Phùng Thị Mộng	Tuyền	13/07/1994		0.0	không không	C14KT3	
71	1210130315	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	17/11/1994		2.5	hai năm	C14KT3	
72	1210130308	Huỳnh Thanh	Tùng	20/04/1994		1.0	một không	C14KT3	
73	1210130316	Bùi Thị Minh	Ty	11/08/1994		0.5	không năm	C14KT3	
74	1210130317	Lê Thị Kim	Uyên	12/12/1994		2.5	hai năm	C14KT3	
75	1210130318	Kiều Thị Thúy	Vân	30/08/1994		5.0	năm không	C14KT3	
76	1210130319	Nguyễn Thị	Vân	18/04/1994		6.0	sáu không	C14KT3	
77	1210130320	Hồ Thị Xuân	Vi	07/10/1994		3.5	ba năm	C14KT3	
78	1210130321	Lê Huyền	Vi	18/06/1994		0.0	không không	C14KT3	

	a SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
	10130322	Ngô Thị	**Vinh**	08/11/1994		3.0	ba không	C14KT3	
	1210130324	Trần Thị Thanh	**Vui**	14/02/1994		0.5	không năm	C14KT3	
81	1210130323	Nguyễn Thanh	**Vương**	10/03/1994		2.0	hai không	C14KT3	
82	1210130327	Lê Nguyễn Thùy	**Vy**	14/07/1994		2.5	hai năm	C14KT3	
83	1210130330	Huỳnh Kim Anh	**Xuân**	18/10/1994		2.5	hai năm	C14KT3	
84	1210130331	Lữ Thị Thanh	**Xuân**	09/01/1994				C14KT3	
85	1210130333	Trần Thanh	**Xuân**	27/11/1994		3.5	ba năm	C14KT3	
86	1210130334	Trương Thị Kim	**Xuân**	12/11/1994		10.0	mười không	C14KT3	
87	1210130336	Nguyễn Thị Ngọc	**Yến**	20/03/1994		2.5	hai năm	C14KT3	
88	1210130337	Phạm Mỹ	**Yến**	05/05/1994		9.0	chín không	C14KT3	
89	1210130338	Trần Kim	**Yến**	20/11/1994		1.0	một không	C14KT3	
90	1210130339	Lê Như	**Ý**	24/12/1994		1.5	một năm	C14KT3	
91	1210130340	Nguyễn Thị Như	**Ý**	19/06/1993		1.0	một không	C14KT3	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2013-2014

Môn học : Anh văn chuyên ngành - 1104024
Mã lớp học phần: 110402403 **Số tín chỉ: 3**
Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Hồng Linh Quyền
Ngày thi: 22/05/2014 **Giờ thi: 09h30** **Phòng thi: B2.3**

Giám thị 1: Bích Thuỷ Ký tên:
Giám thị 2: Ng Dương Ký tên:
Giám thị 3: Ký tên:
Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1210130279	Bùi Nguyễn Mỹ	**Trân**	07/01/1994			3.5	ba năm	C14KT3	
2	1210130280	Nguyễn Ngọc Bảo	**Trân**	30/05/1993			4.0	bốn không	C14KT3	
3	1210130281	Nguyễn Thị Huyền	**Trân**	28/05/1994			4.5	bốn năm	C14KT3	
4	1210130294	Cao Thị Mỹ	**Trinh**	25/07/1994			4.5	bốn năm	C14KT3	
5	1210130295	Nguyễn Thị Tuyết	**Trinh**	18/04/1994			2.0	hai không	C14KT3	
6	1210130296	Trần Ngọc	**Trinh**	06/04/1994					C14KT3	Nợ HP
7	1210130297	Võ Thị Yến	**Trinh**	03/08/1994			3.0	ba không	C14KT3	
8	1210130299	Huỳnh Thị	**Tròn**	09/09/1993			6.0	sáu không	C14KT3	
9	1210130300	Nguyễn Ngọc Thanh	**Trúc**	24/04/1994			3.0	ba không	C14KT3	
10	1210130301	Nguyễn Thị Thủy	**Trúc**	28/7/1994			5.0	năm không	C14KT3	
11	1210130302	Nguyễn Trần Thanh	**Trúc**	18/12/1994			2.5	hai năm	C14KT3	
12	1210130303	Phan Thanh	**Trúc**	21/10/1994			4.0	bốn không	C14KT3	
13	1210130304	Sử Thanh	**Trúc**	05/10/1994			7.5	bảy năm	C14KT3	
14	1210130305	Cao Minh	**Tuấn**	23/12/1993			1.5	một năm	C14KT3	
15	1210130306	Trần Châu	**Tuấn**	16/09/1994			5.0	năm không	C14KT3	
16	1210130313	Đinh Thị Thanh	**Tuyền**	31/05/1994			4.5	bốn năm	C14KT3	
17	1210130310	Hồ Thị Thanh	**Tuyền**	19/07/1993			4.0	bốn không	C14KT3	
18	1210130311	Lê Thị Ngọc	**Tuyền**	03/11/1994			4.5	bốn năm	C14KT3	
19	1210130312	Nguyễn Thị Bích	**Tuyền**	28/03/1994			2.0	hai không	C14KT3	
20	1210130314	Phùng Thị Mộng	**Tuyền**	13/07/1994			2.0	hai không	C14KT3	
21	1210130315	Nguyễn Thị Ánh	**Tuyết**	17/11/1994			1.5	một năm	C14KT3	
22	1210130308	Huỳnh Thanh	**Tùng**	20/04/1994					C14KT3	
23	1210130316	Bùi Thị Minh	**Ty**	11/08/1994					C14KT3	
24	1210130317	Lê Thị Kim	**Uyên**	12/12/1994			2.5	hai năm	C14KT3	
25	1210130318	Kiều Thị Thúy	**Vân**	30/08/1994			2.0	hai không	C14KT3	
26	1210130319	Nguyễn Thị	**Vân**	18/04/1994			2.5	hai năm	C14KT3	
27	1210130320	Hồ Thị Xuân	**Vi**	07/10/1994			6.5	sáu năm	C14KT3	
28	1210130321	Lê Huyền	**Vi**	18/06/1994			1.0	một không	C14KT3	
29	1210130322	Ngô Thị	**Vinh**	08/11/1994			7.0	bảy không	C14KT3	
30	1210130324	Trần Thị Thanh	**Vui**	14/02/1994			2.5	hai năm	C14KT3	
31	1210130323	Nguyễn Thanh	**Vương**	10/03/1994			3.0	ba không	C14KT3	
32	1210130327	Lê Nguyễn Thùy	**Vy**	14/07/1994			6.0	sáu không	C14KT3	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	1210130330	Huỳnh Kim Anh	**Xuân**	18/10/1994			1,0	một không	C14KT3	
34	1210130331	Lữ Thị Thanh	**Xuân**	09/01/1994					C14KT3	Nợ HP
35	1210130333	Trần Thanh	**Xuân**	27/11/1994			9.0	chín không	C14KT3	
36	1210130334	Trương Thị Kim	**Xuân**	12/11/1994			8.5	tám năm	C14KT3	
37	1210130336	Nguyễn Thị Ngọc	**Yến**	20/03/1994			2.0	hai không	C14KT3	
38	1210130337	Phạm Mỹ	**Yến**	05/05/1994			1.5	một năm	C14KT3	
39	1210130338	Trần Kim	**Yến**	20/11/1994			2.0	hai không	C14KT3	
40	1210130339	Lê Như	**Ý**	24/12/1994			0.5	không năm	C14KT3	
41	1210130340	Nguyễn Thị Như	**Ý**	19/06/1993			3.0	ba không	C14KT3	

Lưu ý: *sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 37 **vắng thi:** 4 **. Số bài thi/Số tờ:** 37 / 37 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 16 / 21 **Tỷ lệ đạt:** 43,24 **%**

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2013-2014

Môn học : Anh văn chuyên ngành - 1104024
Mã lớp học phần: 110402403 **Số tín chỉ: 3**
Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Hồng Linh Quyền
Ngày thi: 22/05/2014 **Giờ thi: 09h30** **Phòng thi: B2.2**

Giám thị 1: Văn Phương Ký tên:
Giám thị 2: P. Thuận Ký tên:
Giám thị 3: Q. M.nh Ký tên:
Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1210130341	Phạm Minh	**Luân**	06/12/1994			4.0	bốn không	C14KT3	
2	1110130087	Đặng Thị Xuân	**Mai**	10/05/1991			5.5	năm năm	C14KT3	
3	1210130228	Cao Thị Hà	**My**	20/11/1993			6.0	sáu không	C14KT3	
4	1210130229	Hồ Ngọc Yến	**Nhi**	21/11/1994			4.0	bốn không	C14KT3	
5	1210130230	Trần Minh	**Tân**	19/09/1994			4.0	bốn không	C14KT3	
6	1210130231	Lê Thị Mai	**Thảo**	08/08/1994			5.5	năm năm	C14KT3	
7	1210130232	Nguyễn Thị Thu	**Thảo**	01/07/1994			2.5	hai năm	C14KT3	
8	1210130233	Nguyễn Thị Thu	**Thảo**	30/09/1994			3.5	ba năm	C14KT3	
9	1210130236	Quách Thị Ngọc	**Thảo**	29/08/1994			5.0	năm không	C14KT3	
10	1210130237	Dương Thị Hồng	**Thi**	01/04/1994			4.5	bốn năm	C14KT3	
11	1210130238	Nguyễn Thị Mai	**Thi**	02/12/1994			9.0	chín không	C14KT3	
12	1210130239	Nguyễn Thị Vân	**Thi**	10/09/1994			8.0	tám không	C14KT3	
13	1210130240	Hồ Thị	**Thiện**	03/03/1994			3.0	ba không	C14KT3	
14	1210130251	Vương Đức	**Thịnh**	02/11/1994			4.5	bốn năm	C14KT3	
15	1210130241	Lê Thị Minh	**Thơ**	15/02/1994					C14KT3	
16	1210130254	Nghiêm Thị Hoài	**Thu**	05/03/1994			6.0	sáu không	C14KT3	
17	1210130255	Trần Thị Cẩm	**Thu**	16/03/1993			6.0	sáu không	C14KT3	
18	1210130256	Võ Ngọc Minh	**Thu**	12/11/1994			5.5	năm năm	C14KT3	
19	1210130257	Lê Thị	**Thùy**	16/08/1994			1.0	một không	C14KT3	
20	1210130258	Nguyễn Thị	**Thùy**	30/06/1994			3.5	ba năm	C14KT3	
21	1210130259	Nguyễn Thị Kim	**Thùy**	01/07/1994			8.0	tám không	C14KT3	
22	1210130261	Nguyễn Thị	**Thủy**	19/02/1994			6.5	sáu năm	C14KT3	
23	1210130262	Phan Thị Thanh	**Thủy**	02/04/1994			3.0	ba không	C14KT3	
24	1210130263	Trần Thị Lệ	**Thủy**	04/06/1994			6.5	sáu năm	C14KT3	
25	1210130260	Trương Thiên	**Thúy**	16/06/1994			2.5	hai năm	C14KT3	
26	1210130245	Đào Thị	**Thư**	30/01/1994			3.0	ba không	C14KT3	
27	1210130242	Huỳnh Anh	**Thư**	07/11/1993			4.5	bốn năm	C14KT3	
28	1210130243	Lê Vũ Minh	**Thư**	19/10/1994			5.0	năm không	C14KT3	
29	1210130244	Lưu Kim	**Thư**	19/11/1994			7.0	bảy không	C14KT3	
30	1210130246	Nguyễn Thị Trúc	**Thư**	28/04/1994			6.0	sáu không	C14KT3	
31	1210130247	Phạm Thị Anh	**Thư**	02/10/1994			3.0	ba không	C14KT3	
32	1210130248	Phạm Thị Minh	**Thư**	20/11/1993			1.5	một năm	C14KT3	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	1210130252	Nguyễn Thy Minh	**Thương**	11/09/1994			4.5	bốn năm	C14KT3	
34	1210130265	Trần Thị Cẩm	**Tiên**	22/01/1994			4.5	bốn năm	C14KT3	
35	1210130267	Văn Thủy	**Tiên**	03/09/1994			6.5	sáu năm	C14KT3	
36	1210130282	Cao Thị Thùy	**Trang**	17/08/1993			4.0	bốn không	C14KT3	
37	1210130283	Dương Thùy	**Trang**	13/04/1994			3.5	ba năm	C14KT3	
38	1210130284	Mã Minh	**Trang**	24/11/1994			7.0	bảy không	C14KT3	
39	1210130285	Nguyễn Thị Minh	**Trang**	26/03/1994			6.5	sáu năm	C14KT3	
40	1210130286	Nguyễn Thị Ngọc	**Trang**	06/11/1994			2.5	hai năm	C14KT3	
41	1210130288	Phạm Thị Thu	**Trang**	14/06/1994			5.0	năm không	C14KT3	
42	1210130289	Phạm Thị Thùy	**Trang**	02/02/1993			6.0	sáu không	C14KT3	
43	1210130293	Võ Thị Thu	**Trang**	08/10/1994			5.0	năm không	C14KT3	
44	1210130271	Lê Thị	**Trâm**	25/05/1994			7.0	bảy không	C14KT3	
45	1210130272	Nguyễn Ngọc Bích	**Trâm**	01/07/1994			3.5	ba năm	C14KT3	
46	1210130273	Nguyễn Thị Bích	**Trâm**	08/04/1994			3.5	ba năm	C14KT3	
47	1210130276	Phan Thị Ngọc	**Trâm**	08/10/1993			7.5	bảy năm	C14KT3	
48	1210130275	Phạm Thị Tuyết	**Trâm**	08/12/1994			5.0	năm không	C14KT3	
49	1210130277	Trần Thị Ngọc	**Trâm**	20/04/1994			7.0	bảy không	C14KT3	
50	1210130278	Trần Thị Thùy	**Trâm**	30/07/1994			7.0	bảy không	C14KT3	

Lưu ý: *sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần*